

Bố Trạch, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Số: 01/2022/QĐST- DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 7, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2022, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản sơ thẩm thụ lý số 04/2022/TLST - DS ngày 19 tháng 01 năm 2022,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: NGÂN HÀNG TMCP A (*sau đây gọi là A*); Mã số doanh nghiệp: 0301452948 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. H cấp lần đầu ngày 19/5/1993; Địa chỉ trụ sở chính: 442 đường N, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Ông ĐỖ MINH T; Chức vụ: Tổng giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Bà VŨ THỊ ANH Đ; Chức vụ : Giám đốc Phòng Quản lý nợ; Theo Giấy ủy quyền số: 428/UQ - QLN.19 ngày 26/6/2019 của người đại diện theo pháp luật; Địa chỉ liên hệ : Lầu 8, Tòa nhà T, 444A - 446 đường C, Phường 11, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh; Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Ngọc T; địa chỉ: 257 đường T, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Bà LÊ THỊ THANH T; Sinh năm: 1989; CMND số: 194 384 402– Cấp tại: CA tỉnh Quảng Bình và ông TRẦN QUANG P; Sinh năm: 1987; CCCD số: 0460 8700 0050; Điều trú tại: TK 4, Thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

NGÂN HÀNG TMCP A (sau đây gọi là A) và bà LÊ THỊ THANH T và ông TRẦN QUANG P thỏa thuận đến ngày 31/3/2022 vợ chồng bà LÊ THỊ THANH T và ông TRẦN QUANG P phải thanh toán toàn bộ khoản các khoản nợ vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, cụ thể tính đến ngày 17/3/2022 như sau:

+ Về dư nợ vay:

- Dư nợ gốc: 735.000.000đ
- Lãi trong hạn: 25.367.715đ
- Lãi quá hạn 73.347.761đ
- Phạt chậm trả: 1.875.917đ
- Tổng cộng: 835.591.393đ (tám trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi một nghìn, ba trăm chín mươi ba đồng).

+ Về nợ thẻ tín dụng:

- Dư nợ gốc (Dư nợ trước chuyển NQH) tính đến ngày 17/3/2022: 21.503.101đ (hai mươi một triệu, năm trăm lẻ ba nghìn, một trăm lẻ một đồng).
- Lãi NQH (nợ quá hạn) tại 17/3/2022: 4.931.509đ.

Tổng cộng các khoản vay là: 862.026.003đ (tám trăm sáu mươi hai triệu, không trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm không ba đồng).

Lãi suất tiếp theo từ ngày 18/3/2022 bà LÊ THỊ THANH T và ông TRẦN QUANG P phải chịu tính trên các khoản nợ vay theo các hợp đồng tín dụng đã được các bên ký kết cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

Thứ tự trả nợ như sau: Vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Trường hợp bà LÊ THỊ THANH T và ông TRẦN QUANG P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với

đất tại thửa đất số **84**, tờ bản đồ số **39**, địa chỉ: Thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà LÊ THỊ THANH T và ông TRẦN QUANG P (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số **QBI.BĐCN.04.031117** được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Bình ngày 03/11/2017, số công chứng 4486; chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 03/11/2017 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B.

- Cam kết thế chấp tài sản ngày 03/11/2017.

Tài sản thế chấp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 082460, số vào sổ cấp GCN: CH00864 do UBND huyện B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 22/10/2015 mang tên bà LÊ THỊ THANH T và ông TRẦN QUANG P (*Được cấp đổi bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 430738, số vào sổ cấp GCN: CS 04109 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 10/9/2019*).

3. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận phía bị đơn – Bà Lê Thị Thanh T và ông Trần Quang P chịu án phí dân sự sơ thẩm là $[36.000.000đ + 3\% \text{ của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt } 800.000.000 \text{ đồng}] : 2 = 18.930.390đ$ (mười tám triệu, chín trăm ba mươi nghìn, ba trăm chín mươi đồng).

Trả lại cho NGÂN HÀNG TMCP A (*sau đây gọi là A*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.467.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch theo Biên lai thu tiền số 31AA/2021/0003204 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Hai đương sự (.....);
- Lưu HSVA; VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phú Quảng